Topic 31B: Using the kitchen

Ex 1: Sắp xếp các chữ cái để có từ hoàn chỉnh và nối với nghĩa tương ứng:

__j_	1. ouksHwroe	_____	a. Đi mua sắm
____	2. oD hte ohnsppig	_____	b. Tủ
____	3. mCeo bkac	_____	c. Trở lại
____	4. tuP away	_____	d. Sau đó
____	5. oadsbCpru	_____	e. Rửa bát
____	6. ymtpE teh nbi	_____	f. Nấu trưa
____	7. iDryt	_____	g. Lấy ra
____	8. Take uto	_____	h. Là ủi quần áo
____	9. kooC ulnhc	_____	i. Đổ rác
____	10.srtdaArefw	_____	~~j. Việc nhà~~
____	11.Do het iangshw-pu	_____	k. Cất
____	12.oD hte iinorng	_____	l. Bẩn

Ex 2: Nghe và chọn cụm từ thích hợp để điền vào chỗ trống:

Saturday is my day for (1)___a__ the housework. First, I go to (2)_____and do the shopping. Then I come back, (3)_____everything away in the cupboards, and (4)_____the bin. If the kitchen's dirty, I (5)_____it, and then I make (6)_____. (7)_____usually helps me. She takes all the dirty (8)_____in the washing machine and (9)_____when it's finished. I cook lunch, but afterwards, we do the washing -up together. When the clothes are dry, I do the ironing.

~~a. doing~~	d. a cup of tea	g. take the washing out
b. My sister	e. put	h. empty
c. town	f. clothes	i. clean

LIVEWORKSHEETS

Ex 3: -Viết lại các câu sau theo thứ tự đúng để tạo thành đoạn văn hoàn chỉnh.

-Thay một số thông tin của bạn vào bài văn và quay video gửi lên nhóm*.

a) When the clothes are dry, I do the ironing.

b) Then I come back, put everything away in the cupboards, and empty the bin.

c) She takes all the dirty clothes in the washing machine and take the washing out when it's finished.

d) Saturday is my day for doing the housework.

e) My sister usually helps me.

f) If the kitchen's dirty, I clean it, and then I make a cup of tea.

g) I cook lunch, but afterwards, we do the washing -up together.

h) First, I go to town and do the shopping.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

*Quét mã QR code để gửi video lên nhóm facebook và nhận góp ý, quà tặng.

LIVEWORKSHEETS